

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 05/2012/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 13 tháng 4 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN VÀ ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị khóa V, kỳ họp thứ 20 về việc Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 750/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2012 kèm theo Đề án “Đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường thuộc thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án “Về đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường thuộc thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị”, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu của đề án

a) Mục tiêu chung

Góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính; tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử

- văn hóa dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, tình hữu nghị đoàn kết quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể

Thông qua việc nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng các đường đã được xây dựng nhưng chưa có tên để chọn đặt tên cho phù hợp với quy mô, cấp độ, điều kiện, hoàn cảnh của thành phố Đông Hà hiện tại. Đồng thời phát hiện một số tuyến đường đã được đặt tên nhưng chưa đúng hoặc chưa hợp lý để kiến nghị điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp.

2. Đối tượng và phạm vi của đề án

a) Đối tượng

- Những tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà đã được xây dựng nhưng chưa được đặt tên;
- Những tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà đã được đặt tên trước năm 2002 nhưng chưa chính xác và có nhiều bất hợp lý cần được đổi tên, điều chỉnh tên cho phù hợp.

b) Phạm vi của đề án

- Chỉ đặt tên các đường đã được xây dựng có mặt cắt đường hiện trạng từ 08 m và có chiều dài từ 200 m trở lên (không đặt tên các đường có chiều dài dưới 200 m);
- Chỉ đổi tên, điều chỉnh tên các tuyến đường mà sự thay đổi ít ảnh hưởng đến đời sống dân sinh và kinh tế xã hội.

3. Nguyên tắc đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường phố

- Các đường trên địa bàn thành phố Đông Hà đã được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định nhưng chưa có tên thì được xem xét để đặt tên;
- Tên được lựa chọn để đặt tên đường là tên các địa danh, tên các sự kiện lịch sử trọng đại, các danh nhân tiêu biểu quốc gia và địa phương thuộc danh mục dữ liệu tên của Đề án tổng thể Quy định việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã được HĐND tỉnh Quảng Trị khóa V, kỳ họp thứ 20 thông qua tại Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2010 của HĐND tỉnh;
- Chỉ sử dụng tên những nhân vật lịch sử, những danh nhân đã mất để đặt tên;
- Tên danh nhân, địa danh, di tích lịch sử - văn hóa, sự kiện lịch sử và danh từ có ý nghĩa tiêu biểu được lựa chọn đặt tên đường phải thực sự tiêu biểu, rõ ràng và đã khá quen thuộc với nhân dân trên địa bàn thành phố Đông Hà;
- Tên được chọn để đặt tên đường được căn cứ vào ý nghĩa của địa danh, tầm quan trọng của sự kiện lịch sử và công lao của danh nhân để phù hợp và tương xứng với vị trí, cấp độ, quy mô của đường;

- Chỉ đặt một tên đối với đường dài và thông suốt. Khi đường bị ngắt khúc bởi các giao lộ lớn hoặc vòng xoay thì đoạn kế tiếp có thể được nghiên cứu để đặt tên khác;

- Chỉ đổi tên các tuyến đường đã đặt tên mà xét thấy ý nghĩa của địa danh, tầm quan trọng của sự kiện lịch sử; công lao của danh nhân không phù hợp và tương xứng với vị trí, cấp độ, quy mô của đường, không ảnh hưởng đến đời sống dân sinh trên địa bàn;

- Chỉ điều chỉnh tên các tuyến đường mà những lần Quyết định đặt tên trước đây không chính xác, không có hoặc không đúng tên trên thực tế hoặc có nhiều thay đổi về độ dài so với Quyết định cũ.

4. Danh mục tên đường cần đặt tên, đổi tên và điều chỉnh: Có Phụ lục kèm theo, gồm:

a) Các địa danh đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường thành phố Đông Hà: 09 tuyến đường (Phụ lục I).

b) Các danh nhân tiêu biểu để đặt tên mới đường thành phố Đông Hà: 46 tuyến đường (Phụ lục II).

c) Đường đã có tên trên thực tế nhưng không có trong các Quyết định của UBND tỉnh, cần thu hồi biển tên và xây dựng phương án đặt lại tên theo quy định: 05 tuyến đường (Phụ lục III);

d) Đường đã có quyết định đặt tên theo các Quyết định của UBND tỉnh nhưng bất hợp lý cần điều chỉnh: 16 tuyến đường (Phụ lục IV).

5. Cùng với việc đặt tên đường, UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng phương án đặt số nhà, gắn biển tên đường để thực hiện công tác quản lý đô thị, hoàn thành trong năm 2012.

Điều 2. Giao UBND tỉnh chỉ đạo, rà soát lại và xác định tên cụ thể cho các tuyến đường trong tổng số tuyến đường do HĐND tỉnh thông qua.

Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp giám sát và động viên nhân dân thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 4 năm 2012 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

PHỤ LỤC I

VỀ CÁC ĐỊA DANH ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN VÀ ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
01	Cần Vương	Tên một phong trào yêu nước	Khởi xướng ở Tân Sở (Quảng Trị) do Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi	Quốc gia
02	Chi Lăng	Địa danh - Chiến thắng lịch sử tiêu biểu - di tích lịch sử văn hóa	Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nơi diễn ra trận thắng lớn của nghĩa quân Lê Lợi diệt 01 vạn quân xâm lược Minh	Quốc gia
03	Bắc Sơn	Danh từ có ý nghĩa	Tên một châu/huyện (Lạng Sơn). Nơi nổ ra cuộc khởi nghĩa chống Pháp ngày 22/9/1940	Quốc gia
04	Dinh Cát	Danh từ có ý nghĩa - di tích lịch sử văn hóa	Ở huyện Triệu Phong, Thủ phủ của Chúa Nguyễn trong buổi đầu dựng nghiệp ở Đàng Trong (1558 - 1626)	Quảng Trị
05	Đại Cồ Việt	Danh từ có ý nghĩa	Quốc hiệu nước ta thời nhà Đinh, nhà Tiền Lê và đầu đời Lý (968 - 1054)	Quốc gia
06	Điện Biên Phủ	Địa danh - Chiến thắng lịch sử tiêu biểu - di tích lịch sử văn hóa	Thành phố tỉnh lỵ Điện Biên. Nơi ghi dấu chiến thắng oanh liệt của quân và dân ta đánh tan quân đội Pháp, tiến tới ký kết Hiệp định Genève	Quốc gia
07	Đông Kinh Nghĩa Thục	Danh từ có ý nghĩa	Tên một trường học lập từ 1907 ở Hà Nội. Nơi khởi xướng phong trào Đông Du chống Pháp	Quốc gia
08	Tân Sở	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa - di tích lịch sử văn hóa	Ở huyện Cam Lộ. Sơn phòng/Kinh đô dã chiến của phái chủ chiến triều Nguyễn chống Pháp, đứng đầu là Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết. Nơi khởi xướng phong trào Cần Vương chống Pháp (13/7/1885)	Quảng Trị
09	Thuận Châu	Danh từ có ý nghĩa - di tích lịch sử văn	Tên đơn vị hành chính của tỉnh Quảng Trị xưa: châu Thuận (thế kỷ XV-XVI). Trung tâm chính trị/ly sở của châu Thuận và huyện Thuận Xương/Vũ Xương/Đặng	Quảng Trị

		hóa	Xương (từ thế kỷ XVI - XVIII)	
--	--	-----	-------------------------------	--

PHỤ LỤC II

VỀ CÁC DANH NHÂN TIÊU BIỂU ĐỂ ĐẶT TÊN MỚI ĐƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
01	Bùi Trung Lập (? - 1947)	Gio Linh, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị lâm thời (1945)	Hiện đại
02	Duy Tân (1890 - 1945)	Thừa Thiên Huế	Hoàng đế triều Nguyễn. Linh hồn của phong trào Duy Tân chống Pháp	Cận đại
03	Đào Tấn (1845 - 1907)	Tuy Phước, Bình Định	Quan triều Nguyễn - Nhà soạn tuồng số 1 Việt Nam	Cận đại
04	Đặng Thái Thân (1873 - 1910)	Nghi Lộc, Nghệ An	Nhà chí sỹ yêu nước. Một trong những người khởi xướng Hội Duy Tân và Việt Nam Quang Phục Hội	Cận đại
05	Đặng Thới (1921 - 2001)	Triệu Phong, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị (1945 - 1948). Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước	Hiện đại
06	Đoàn Hữu Trưng (1844 - 1866)	Phú Vang, Thừa Thiên Huế	Thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa “giặc chày vôi” chống lại triều đình Tự Đức	Cận đại
07	Hà Huy Tập (1902 - 1941)	Hà Tĩnh	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1935 - 1936)	Cận đại
08	Hàn Mặc Tử	Đồng Hới, Quảng Bình	Nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ Mới	Cận đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(1912 - 1940)			
09	Hoàng Hữu Chấp (1916-1946)	Triệu Phong, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh ủy lâm thời Quảng Trị (1936 - 1937)	Cận đại
10	Hoàng Thị Ái (1900 - 2004)	Triệu Phong, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước	Hiện đại
11	Hồ Quý Ly (1335 - ?)	Hà Trung, Thanh Hóa	Hoàng đế, người sáng lập triều HỒ. Nhà cải cách xã hội	Cổ trung đại
12	Hồ Sĩ Thản (1913 - 1995)	Đông Hà, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị (1965 - 1975)	Hiện đại
13	Lê Đại Hành (941 - 1005)	Thọ Xuân, Thanh Hóa	Vị tướng tài triều Đinh. Vua sáng lập triều Tiền Lê	Cổ trung đại
14	Lê Hành (1910 - ?)	Hải Lăng, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị (cuối 1973)	Hiện đại
15	Lê Ngọc Hân (1770 - 1799)	Gia Lâm, Hà Nội	Vợ vua Quang Trung, nhân vật gắn với triều đại bi hùng Tây Sơn	Cổ trung đại
16	Lý Nam Đế (503 - 548)	Hà Nội	Lãnh tụ khởi nghĩa chống lại ách đô hộ nhà Lương, giành độc lập thời Bắc thuộc	Cổ trung đại
17	Lý Thái Tổ (974 - 1028)	Từ Sơn, Bắc Ninh	Hoàng đế sáng lập ra triều Lý. Người mở đầu cho nền văn hóa Thăng Long	Cổ trung đại
18	Lương Thế Vinh (1442 - ?)	Vụ Bản, Nam Định	Trạng nguyên thời Lê. Nhà văn hóa, nhà toán học nổi tiếng. Tổ ngành toán học Việt Nam	Cổ trung đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
19	Lương Văn Can (1854 - 1927)	Thường Tín, Hà Nội	Nhà chí sỹ yêu nước chống Pháp. Lãnh tụ phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục	Cận đại
20	Nguyễn An Ninh (1900 - 1943)	TP.Hồ Chí Minh	Chí sỹ yêu nước chống Pháp - Nhà báo, nhà văn	Cận đại
21	Nguyễn Cảnh Chân (? - 1409)	Nam Đàn, Nghệ An	Nhân vật lịch sử gắn với cuộc khởi nghĩa của nhà Hậu Trần chống quân xâm lược Minh	Cổ trung đại
22	Nguyễn Công Hoan (1903 - 1977)	Văn Giang, Hưng Yên	Nhà văn, nhà hoạt động văn hóa. Nổi tiếng về dòng văn học hiện thực phê phán	Hiện đại
23	Nguyễn Hữu Mai (1914 - 1995)	Hải Lăng, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước	Hiện đại
24	Nguyễn Hữu Khiếu (1915 - 2004)	Triệu Phong, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng	Hiện đại
25	Nguyễn Quang Xá (1920 - ?)	Triệu Phong, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị (từ năm 1948 - 1950)	Hiện đại
26	Nguyễn Hữu Thận (1757 - 1831)	Triệu Phong, Quảng Trị	Quan triều Nguyễn. Nhà khoa học thiên về thiên văn, lịch số, toán pháp	Cổ trung đại
27	Nguyễn Phúc Nguyên (1562 - 1635)	Hà Trung, Thanh Hóa	Vị chúa thứ 2 thời chúa Nguyễn. Người có công chính thức khai lập nhà chúa; đóng dinh ở Quảng Trị	Cổ trung đại
28	Nguyễn Tư Giản (1823 - 1890)	Đông Anh, Hà Nội	Tiến sỹ triều Thiệu Trị. Học giả. Người có tư tưởng canh tân, chấn hưng đất nước	Cận đại
29	Nguyễn Tự Như	Gio Linh, Quảng Trị	Tiến sỹ thời Nguyễn. Sĩ phu yêu nước chống Pháp. Thủ lĩnh nhóm nghĩa quân Gio	Cận đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(? - ?)		Linh tham gia Cần Vương	
30	Nguyễn Văn Cừ (1912 - 1941)	Từ Sơn, Bắc Ninh	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Lãnh tụ tiền bối của Đảng	Cận đại
31	Nguyễn Văn Tường (1824 - 1886)	Triệu Phong, Quảng Trị	Quan đại thần triều Nguyễn. Người cầm đầu phe chủ chiến chống Pháp của triều đình Huế	Cận đại
32	Nguyễn Vức (1906 - 1971)	Đông Hà, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị (1939)	Cận đại
33	Phù Đổng Thiên Vương	Gia Lâm, Hà Nội	Nhân vật huyền sử thể hiện ý thức quật cường của dân tộc	Cổ trung đại
34	Thanh Tịnh (1911 - 1988)	Gio Linh, Quảng Trị	Nhà hoạt động văn hóa - Nhà thơ	Hiện đại
35	Thân Nhân Trung (1418 - 1499)	Yên Dũng, Bắc Giang	Tiến sỹ - Quan đại thần triều Lê Thánh Tông. Tư tưởng và học thuật uyên bác	Cổ trung đại
36	Thoại Ngọc Hầu (1761- 1829)	Quảng Nam	Tướng nhà Nguyễn, giỏi thủy lợi và canh nông. Có nhiều công lớn trong đào kênh	Cổ trung đại
37	Tô Ngọc Vân (1906 - 1954)	Văn Giang, Hưng Yên	Hoạ sỹ tài hoa. Nhà hoạt động văn hóa, nghệ thuật	Hiện đại
38	Tuệ Tĩnh (1341 - 1385)	Cẩm Giàng, Hải Dương	Thiền sư - Nhà y, dược nổi tiếng của Việt Nam. Triều Minh (Trung Quốc) phong là "Đại Y Thiền Sư"	Cổ trung đại
39	Trần Đình Ân (1626 - 1706)	Gio Linh, Quảng Trị	Quan đại thần thời chúa Nguyễn - Nhà quân sự và chính trị	Cổ trung đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
40	Trần Nhân Tông (1258 - 1308)	Nam Định	Hoàng đế thứ 3 triều Trần. Linh hồn của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông. Vị tổ thứ nhất của dòng thiền Trúc Lâm	Cổ trung đại
41	Trần Hoàn (1928 - 2003)	Hải Lăng, Quảng Trị	Nhà hoạt động văn hóa - Nhạc sỹ tài danh	Hiện đại
42	Trần Hữu Dực (1910 - 1983)	Triệu Phong, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị (1930). Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước	Hiện đại
43	Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825)	Biên Hòa, Đồng Nai	Quan đại thần triều Nguyễn - Nhà văn - Nhà địa lý nổi tiếng	Cổ trung đại
44	Triệu Việt Vương (? - 571)	Vĩnh Phúc	Người có công đưa Lý Bí lên ngôi vua, lập nước Vạn Xuân. Kế tục sự nghiệp, tổ chức kháng chiến, lên ngôi vua 22 năm	Cổ trung đại
45	Trương Công Kính (1918 - 1969)	Triệu Phong, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Ủy viên Thường vụ Khu ủy Trị Thiên	Hiện đại
46	Trương Hoàn (1911 - 1947)	Triệu Phong, Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị (1941).	Cận đại

PHỤ LỤC III

VỀ CÁC ĐƯỜNG ĐÃ CÓ TÊN TRÊN THỰC TẾ NHƯNG KHÔNG CÓ TRONG CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH VÀ HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài	Chiều rộng	Hướng điều chỉnh
-----	-----------	----------	-----------	-----------	------------	------------------

				(m)	(m)	
1	Đoàn Bá Thừa	Quốc lộ 1	Hoàng Diệu	200	8	Bổ sung Quyết định đặt tên là đường Đoàn Bá Thừa
2	Hồ Xuân Lưu	Quảng trường Nhà Văn hóa Trung tâm tỉnh	Nguyễn Hàm Ninh	200		Bổ sung Quyết định đặt tên là đường Hồ Xuân Lưu
3	Lê Chưởng	Lê Quý Đôn	Trần Hưng Đạo	200	11	Bổ sung Quyết định đặt tên là đường Lê Chưởng
4	Lê Thế Tiết	Lê Duẩn	Bà Huyện Thanh Quan	350	13	Bổ sung Quyết định đặt tên là đường Lê Thế Tiết
5	Thanh Niên	Hoàng Diệu	Hói Sòng	2.200	20,5	Bổ sung Quyết định đặt tên là đường Thanh Niên

PHỤ LỤC IV

VỀ CÁC TÊN ĐƯỜNG ĐÃ CÓ TRONG CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐẶT TÊN CỦA UBND TỈNH NHƯNG BẤT HỢP LÝ CẦN ĐIỀU CHỈNH VÀ HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên đường	Hiện trạng	Hướng điều chỉnh
1	Đặng Dung		
	Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Năm 1996 đổi lại thành đường Kim Đồng. Từ bến xe cũ (Lê Duẩn) đến chợ Đông Hà	Hủy bỏ tên thuộc Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992. Bổ sung Quyết định đặt lại tên đường Kim Đồng như hiện tại
	Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996	Lê Duẩn đến Bùi Thị Xuân, tức đường Đặng Dung hiện tại	Giữ nguyên tên đường Đặng Dung hiện tại theo Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996
2	Đặng Trần Côn		

	Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Chưa có trên thực tế	Hủy bỏ tên thuộc Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992
	Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002	Tuyến đường Đặng Trần Côn hiện tại. Từ Hùng Vương đến Hàm Nghi	Giữ nguyên tên đường Đặng Trần Côn hiện tại theo Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002
3	Đình Tiên Hoàng		
	Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Không có trên thực tế	Hủy bỏ tên thuộc Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992
	Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996	Tuyến đường Đình Tiên Hoàng hiện tại. Từ Phan Châu Trinh đến đường sắt Bắc - Nam	Giữ nguyên tên đường Đình Tiên Hoàng theo Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996
4	Hai Bà Trưng		
	Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Trước đây là tuyến từ Nhà Văn hóa Trung tâm đến Đường 9c. Hiện không còn tên đường này	Hủy bỏ tên thuộc Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992
	Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996	Tuyến đường Hai Bà Trưng hiện tại. Từ Trần Hưng Đạo đến Bùi Dục Tài	Giữ nguyên tên đường Hai Bà Trưng hiện tại
5	Hoàng Hoa Thám Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992; Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002	Cả 02 lần Quyết định đều không có tên đường trên thực tế	Hủy bỏ tên thuộc Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992 và Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002
6	Kim Đồng		
	Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Năm 1996 đã đổi thành đường Đặng Dung	Hủy bỏ tên thuộc Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992. Bổ sung Quyết định đặt lại tên đường Đặng Dung như hiện tại
	Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996	Tuyến đường Kim Đồng hiện tại. Từ Lê Duẩn đến Nguyễn Thượng Hiền	Giữ nguyên tên đường Kim Đồng hiện tại

7	Lê Văn Hưu		
	Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996	Không có tên đường trên thực tế	Hủy bỏ tên thuộc Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996
	Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002	Tuyến đường Lê Văn Hưu hiện tại. Từ Lê Duẩn đến ga Đông Hà	Giữ nguyên tên đường Lê Văn Hưu hiện tại
8	Ngô Thời Nhiệm Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Tên đường đã bị đường Lê Thế Hiếu nối dài chõng lên, nên hiện không có trên thực tế	Hủy bỏ tên thuộc Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992. Đoạn hủy bỏ tên sẽ được mang tên Lê Thế Hiếu theo như thực tế
9	Lãn Ông Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Tuyến đường từ Tôn Thất Thuyết đến Tôn Thất Thuyết cắt qua đường Hùng Vương	Điều chỉnh tên thuộc Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992 thành tên: Hải Thượng Lãn Ông
10	Trần Hữu Dực Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002	Tuyến từ Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi. Tuyến này đúng theo Quyết định năm 2002 là đường Cửa Tùng	Hủy bỏ tên thuộc Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002 (đặt tên một đường khác). Điều chỉnh tuyến đường này thành đường Cửa Tùng theo như Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002
11	Lê Thế Hiếu Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Tên tuyến đường này theo Quyết định cũ năm 1992 có độ dài là 900 m, từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Du; nhưng trên thực tế, tuyến đường này kéo từ đường Trần Phú đến đường Trương Hán Siêu với chiều dài 900 m	Điều chỉnh độ dài tuyến đường Lê Thế Hiếu từ đường Trần Phú đến đường Trương Hán Siêu; chiều dài 900 m
12	Hùng Vương Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Tuyến đường này theo Quyết định cũ năm 1992 có độ dài là 700 m, từ đường Trần Hưng Đạo đến Quốc lộ 9; nhưng trên thực tế hiện nay có độ dài	Điều chỉnh độ dài tuyến đường Hùng Vương từ đường Trần Hưng Đạo đến cầu Vĩnh Phước, chiều dài 4.700 m

		là 4.700 m kéo từ Bưu điện thành phố đến cầu Vĩnh Phước	
13	Nguyễn Trãi Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Tuyến đường này theo Quyết định cũ năm 1992 có độ dài là 2.100 m, từ đường Lê Duẩn đến hồ Khe Mây; nhưng trên thực tế hiện nay có độ dài là 2.600 m kéo từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Bình Trọng	Điều chỉnh độ dài tuyến đường Nguyễn Trãi từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Bình Trọng; chiều dài 2.600 m
14	Nguyễn Du Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Tuyến đường này theo Quyết định cũ năm 1992 có độ dài là 2.500 m, từ đường Bà Triệu đến đường Lý Thường Kiệt; nhưng trên thực tế hiện nay có độ dài là 1.700 m kéo từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng	Điều chỉnh độ dài tuyến đường Nguyễn Du từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng, chiều dài 1.700 m
15	Lê Duẩn Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992	Tuyến đường này là đoạn Quốc lộ 1 cũ. Theo Quyết định năm 1992 thì chỉ có độ dài là 4.600 m, từ Nam cầu Đông Hà đến Bắc cầu Lai Phước. Nhưng trên thực tế hiện nay, đoạn gần phía Bắc cầu Đông Hà đã được gọi là đường Lê Duẩn, đoạn phía gần cầu Sòng thì vẫn gọi là Quốc lộ 1	Điều chỉnh độ dài tuyến đường Lê Duẩn từ Bắc cầu Lai Phước đến Nam cầu Sòng đi qua địa bàn thành phố Đông Hà
16	Cửa Tùng Đường đã được đặt tên nhưng chưa có tên trong Quyết định	Tuyến từ Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi	Điều chỉnh, bổ sung vào Quyết định mới

Nguồn: Thư viện pháp luật: <http://thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-quyet-05-2012-NQ-HDND-dat-ten-doi-ten-dieu-chinh-ten-duong-tinh-Quang-Tri-vb185668.aspx>